|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG  KHOA LUẬT | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  **----------o0o----------** |
|  | *Hà Nội, ngày…..tháng….năm 2016* |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**

**HỌC PHẦN: PHÁP LUẬT TRONG HOẠT ĐỘNG KINH TẾ ĐỐI NGOẠI**

**1. Tên học phần** : **Pháp luật trong Hoạt động Kinh tế Đối ngoại**

**2. Tổng tín chỉ : 03**

**3. Bộ môn phụ trách giảng dạy**: Pháp luật Thương mại Quốc tế

**4. Mô tả học phần**

Học phần pháp luật trong hoạt động kinh tế đối ngoại là học phần bắt buộc thuộc chương trình đào tạo ngành Kinh tế, chuyên ngành Kinh doanh quốc tế. Do đầu vào là sinh viên kinh tế nên nội dung của học phần này giới thiệu một cách tổng quan vai trò điều chỉnh của pháp luật đối với các hoạt động KTĐN. Nội dung của học phần đề cập đến những vấn đề cơ bản về pháp luật trong hoạt động KTĐN như khái niệm, đặc điểm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh của pháp luật trong hoạt động KTĐN. Học phần cũng giới thệu các loại hợp đồng thương mại cơ bản như hợp đồng mua bán hàng hóa, hợp đồng cung ứng dịch vụ, hợp đồng mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa, hợp đồng nhượng quyền thương mại…Đặc biệt, trọng tâm của học phần dành thời lượng đáng kể để giới thiệu về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế và hợp đồng chuyên chở hàng hóa XNK bằng đường biển: Khái niệm, đặc điểm, luật điều chỉnh, những vấn đề pháp lý cần lưu ý khi ký kết hợp đồng, vi phạm hợp đồng và chế độ trách nhiệm cụ thể do vi phạm hợp đồng và các phương thức giải quyết tranh chấp trong Ngoại thương.

**5. Mục tiêu học phần**

***5.1. Về kiến thức*** :

Mục tiêu của học phần là trang bị cho người học những vấn đề cơ bản về pháp luật trong hoạt động KTĐN như: đối tượng điều chỉnh, nội dung , nguồn luật và những nguyên tắc cơ bản của pháp luật TMQT; Vai trò của pháp luật trong hoạt động KTĐN trong hệ thống pháp luật Việt Nam; Mối quan hệ giữa pháp luật trong hoạt động KTĐN với pháp luật TM, giữa pháp luật trong hoạt động KTĐN với pháp luật TMQT và pháp luật KDQT.Đặc biệt, sinh viên sẽ được giới thiệu những vấn đề pháp lý về hợp đồng mua bán hàng hóa có yếu tố quốc tế, hợp đồng cung ứng dịch vụ có yếu tố quốc tế , vấn đề về luật áp dụng cho hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế và những xung đột pháp luật về những vấn đề liên quan đến cách hiểu, cách quan niệm về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế, đến thủ tục ký kết hợp đồng có yếu tố quốc tế , đến chế tài được áp dụng khi vi phạm hợp động mua bán hàng hóa quốc tế..

***5.2. Về kỹ năng*** :

Sau khi học xong học phần này, người học sẽ tích lũy được những kỹ năng cơ bản sau đây :

+Có kỹ năng phân tích những khía cạnh pháp lý của các loại hợp đồng có yếu tố quốc tế. Điều này rất quan trọng đối với sinh viên ngành kinh tế vì kỹ năng này sẽ giúp cho các nhà kinh tế, các doanh nghiệp tương lai sau này có thể độc lập, tự tin kiểm tra các loại hợp đồng đã ký kết, từ góc độ pháp lý, nhằm bảo đảm sự an toàn cho doanh nghiệp mình;

+Kỹ năng ký kết và soạn thảo các hợp đồng, đặc biệt là hợp đồng thương mại và hợp đồng thương mại có yếu tố quốc tế;

+Kỹ năng giải quyết tranh chấp và lựa chọn phương thức giải quyết tối ưu nhất cho mình trong trường hợp có sự vi phạm hợp đồng thương mại và hợp đồng thương mại quốc tế.

**6. Nội dung học phần**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung chi tiết học phần** | **Phân bổ thời gian** | | | | **Ghi chú** |
| **Số tiết trên lớp** | | **Số giờ**  **tự học, tự nghiên cứu** | **Yêu cầu sinh viên chuẩn bị** |
| **Lý thuyết** | **Thực hành** |
| **Chương 1.Tổng quan về pháp luật trong hoạt động KTĐN**  1.1. Khái niệm, đối tượng điều chỉnh, nội dung và đặc điểm của PL trong hoạt động KTĐN  1.2. Vị trí vai trò của pháp luật TMQT trong hệ thống pháp luật Việt Nam  1.3. Mối quan hệ, sự tác động qua lại giữa pháp luật trong hoạt động KTĐN và Pháp luật TMQT | **3** | **0** | **5** | **Đọc Giáo trình**  **Đọc TLTK** |  |
| **Chương 2. Thương nhân và các công ty thương mại - chủ thể trong hoạt động KTĐN**  2.1. Khái niệm về thương nhân  2.2. Thương nhân nước ngoài tại Việt Nam  2.3. Các công ty thương mại ở các nước phát triển và địa vị pháp lý  2.4. Các công ty thương mại ở Việt Nam và địa vị pháp lý | **6** | **6** | **5** | **Đọc Giáo trình**  **Đọc TLTK**  **Chuẩn bị câu hỏi thảo luận** :  1.Nêu đối tượng điều chỉnh, chủ thể, nguồn luật của của PL trong hoạt động KTĐN  2.Phân tích vai trò của PLKTĐN trong hệ thống PLVN |  |
| **Chương 3. Hợp đồng thương mại**  3.1. Khái niệm và đặc điểm của hợp đồng thương mại  3.2. Những nguyên tắc cơ bản của hợp đồng TM;  3.3. Ký kết hợp đồng TM;  3.4. Nghiên cứu một số loại hợp đồng thương mại chủ yếu theo quy định của Luật Thưong mại năm 2005  3.4.1. Hợp đồng mua bán hàng hóa  3.4.2. Hợp đồng cung ứng dịch vụ  3.4.3. Hợp đồng mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa | **3** | **0** | **5** | **Đọc Giáo trình**  **Đọc TLTK :** Tài liệu số 2, số 3, số 4 và số 8  **Chuẩn bị câu hỏi thảo luận** |  |
| **Chương 4. Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế**  4.1. Khái niệm, đặc điểm , luật điều chỉnh hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế  4.2. Ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế  4.3. Vấn đề vi phạm hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế và chế độ trách nhiệm cụ thể. Xung đột pháp luật và cách giải quyết.  4.4. Các căn cứ miễn trách do vi phạm hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế  4.5. Các loại chế tài được áp dụng khi vi phạm hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế theo Luật TM Việt Nam năm 2005 và theo Công ước Viên năm 1980 về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế  4.6. Phân tích một số vụ tranh chấp điển hình | **6** | **6** | **5** | **Đọc Giáo trình**  **Đọc TLTK :** số 1, số 6 và  số 7  Chuẩn bị câu hỏi thảo luận  Các nhóm lên phân tích tình huống |  |
| **Chương 5. Hợp đồng chuyên chở hàng hóa XNK bằng đường biên**  5.1. Khái niệm và phân loại hợp đồng  5.2. Hợp đồng chuyên chở chuyến  5.3. Hợp đồng chuyên chở hàng hóa theo chứng từ  5.4. Hợp đồng chuyên chở định hạn | **3** | **0** | **5** | Giáo trình,Bộ luật hàng hải Việt Nam năm 2005 , các công ước QT |  |
| **Chương 6. Giải quyết tranh chấp trong Ngoại Thương**  6.1. Khái niệm, đặc điểm và phân loại tranh chấp;  6.2. Giải quyết tranh chấp bằng thương lượng  6.3. Giải quyết tranh chấp bằng hòa giải  6.4. Giải quyết tranh chấp bằng Tòa án  6.5. Giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài | **6** | **3** | **5** | Giáo trình chương 6  **Đọc TLTK :** số 1, số 6 và số 7; các nhóm lên phân tích tình huống |  |
| **Chương 7. Một số vấn đề về luật đầu tư**  7.1. Đối tượng điều chỉnh và đặc điểm của Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam  7.2.Các hình thức đầu tư và đặc điểm | **3** |  |  | Giáo trình chương 7  TLTK : Luật Đầu tư năm 2005 |  |

**7. Phần tài liệu tham khảo**

**7.1. Giáo trình**

Pháp Luật trong hoạt động kinh tế đối ngoại của Trường ĐH Ngoại thương.Nxb Thông tin và truyền thông, Hà Nội năm 2009

**7.2. Tài liệu tham khảo bắt buộc**

1. Nicole Perry, *Làm thế nào để tránh rủi ro pháp lý khi mua bán*, Nxb Pháp lý, Hà Nội 1992.
2. Luật Thương mại Việt Nam năm 2005, Nxb Chính trị quốc gia, 2005
3. Nghị định số 12/2006/NĐ-CP ngày 23/01/2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hoá quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hoá với nước ngoài. Xem Nghị định này tại [http://www.mot.gov.vn](http://www.mot.gov.vn/).
4. Bộ luật Dân sự Việt Nam năm 2005*,* Nxb Chính trị Quốc gia, 2005
5. Luật Thương mại Việt Nam năm 1997, Nxb Chính trị Quốc gia, 1997
6. Công ước Viên năm 1980 của Liên Hiệp Quốc về Hợp đồng mua bán Hàng hoáQuốc tế. Xem Công ước này tại Phụ lục số 3, *Giáo trình Kỹ thuật nghiệp vụ ngoạii thương* do thầy Vũ Hữu Tửu biên soạn, Nxb Giáo dục năm 2002, tr.465 – 506.
7. VCCI & VIAC, *50 phán quyết trọng trọng tài quốc tế chọn lọc*, Hà Nội, năm 2002 và năm 2007
8. VCCI,DANIDA.Cẩm nang hợp đồng thương mại. Hà Nội năm 2007

**8. Phương pháp đánh giá học phần**

**8.1. Đánh giá thường xuyên**

Điểm đánh giá thường xuyên bao gồm:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hình thức** | **Tỷ lệ** |
| Điểm chuyên cần và tham gia thảo luận | 10% |
| Điểm tiểu luận | 10% |
| ĐIểm phát biểu, đặt câu hỏi hay (nếu có) | 10% |

**8.2. Đánh giá định kì**

Điểm đánh giá định kỳ bao gồm:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hình thức** | **Tỷ lệ** |
| Điểm kiểm tra giữa kỳ | 20% |
| Thi kết thúc học phần | 60% |